

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐÔNG TRIỀU - TKV

Số: 3248/NĐĐT-KHVT

V/v báo giá Cung cấp vật tư, thiết bị cơ khí các loại
phục vụ sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên
năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 9 năm 2025

Kính gửi: Quý công ty và các nhà cung cấp

Trước tiên, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác từ Quý Công ty trong thời gian qua.

Hiện nay, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đang triển khai lập Dự toán **Cung cấp vật tư, thiết bị cơ khí các loại phục vụ sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên năm 2026**. Để có cơ sở thực hiện theo các quy định hiện hành, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đề nghị Quý Công ty báo giá danh mục hàng hóa theo phụ lục đính kèm.

- Địa điểm giao hàng: Tại kho của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV.
- Hiệu lực của báo giá: 120 ngày kể từ ngày báo giá.
- Báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của nhà thầu kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

Báo giá của Quý Công ty xin gửi tới địa chỉ và theo thời gian như sau:

- Địa chỉ gửi báo giá: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Khu Đông Sơn - phường Bình Khê - tỉnh Quảng Ninh; Điện thoại: 0203.6266.323; Fax: 0203.6266.324; E-mail: dongtrieu.dtk@gmail.com).

(Mọi thông tin trao đổi xin liên hệ: Ông Phạm Thế Vinh - Nhân viên phòng KHĐT-VT; Số điện thoại: 0329.039.895).

- Thời gian báo giá: chậm nhất ngày 08/10/2025.

Rất mong nhận được sự hợp tác và phản hồi sớm từ Quý Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (e-copy để b/c);
- Lưu: TCHC, KHVT.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Mão

PHỤ LỤC: KHỐI LƯỢNG ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ

(Kèm theo Văn bản số 3248 /NĐĐT-KHVT ngày 30 /9/2025 của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Kính thủy bao hơi	Kích thước: 108x23,5x20,6mm; bao gồm 7 chi tiết; lắp đặt cho thủy kế hai màu TC-SMW22-IIBR; nhà sản xuất Tieling Tieguang Instrucment&Apparatus Co.,Ltd		Bộ	56,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
2	Pittong khí nén	Kích thước: 350x350x655 (Chi tiết số 12 lắp cho van Mã hiệu PZ673Y-150LbP trong bản vẽ 418320160-1651A-DV1) của Dalian DV Valve Co.,Ltd		Cái	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
3	Xích làm sạch	Mã hiệu: ZG270-500; của nhà sản xuất Shenyang Xiangya Electric Power Equipment Co., Ltd		m	48,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
4	Hộp giảm tốc Helical bevel gearmotor (bao gồm động cơ)	Mã hiệu: KAF87AM90M/DTW/DRS90L4/T H/A/C/2W; động cơ 2,2kW, 380-420V, 50Hz, rpm 1400/8 của nhà sản xuất Sew (bao gồm cả động cơ)		Cái	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
5	Hộp giảm tốc (bao gồm động cơ)	Mã hiệu: KAF97AD132S4/TH/B/C/DTW; Động cơ 5,5 kW, 380-420V, 50Hz, rpm 1445/14 của nhà sản xuất Sew (bao gồm động cơ)		Cái	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
6	Xích gạt	Mã hiệu: HMDY- 962 Công suất: 80 t/h Tốc độ: $\leq 0,22$ m/s Bước xích: 200 mm Thanh gạt nghiêng: mã hiệu: KL; vật liệu: SS400; số lượng: 84 thanh Thanh gạt đứng: mã hiệu: L; vật liệu: SS400; số lượng: 166 thanh Bộ chốt xích: 250 bộ, vật liệu: SCM440 Hãng sản xuất: Dongyang Chain Industry Co., Ltd		m	50,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
7	Hộp giảm tốc (bao gồm động cơ)	Mã hiệu: R137 DRS160M4/DTW; Động cơ 11 kW, 380-420V, 50Hz, rpm 1460/16; của nhà sản xuất SEW (bao gồm động cơ)		Cái	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
8	Xích gạt	Mã hiệu: DYP-250 Quy cách vật liệu mắt xích: SCM440; Trục: SCM440; Bước xích: 250 mm; Độ cứng bề mặt xích: HB260; Tốc độ làm việc: $\leq 0,26$ m/s; Công suất: 80 -100 t/h		M	130,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		Hãng sản xuất: Dongyang Chain Industry Co., Ltd							
9	Bộ lọc khí	Mã hiệu: QAF4000 (đầu giắc co 1/2"; áp lực max 1MPa) của nhà sản xuất Shanghai Xingyick Pneumatic Engineering Co.,Ltd		bộ	7,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
10	Phin lọc khí	Mã hiệu: SD200-CD-11; độ mịn 2µm của nhà sản xuất Beijing SDL Technology Co.,Ltd		Cái	8,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
11	Xích tải hộp giảm tốc bộ thổi bụi	Thông số kỹ thuật: 5/8" (54 mắt/bộ xích), (lắp đặt cho bộ thổi bụi PS-SL, PS-SB của nhà sản xuất Shanghai Clyde Bergemann Machinery Co., Ltd)		Bộ	11,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
12	Cụm căng xích tải hộp giảm tốc bộ thổi bụi	Mã hiệu: N1/21588D (lắp đặt cho bộ thổi bụi PS-SL, PS-SB của nhà sản xuất Shanghai Clyde Bergemann Machinery Co., Ltd)		Cái	12,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
13	Đầu phun bộ thổi bụi	Mã hiệu: N1/36104(55) (bao gồm các phụ kiện) (lắp đặt cho bộ thổi bụi PS-SB của nhà sản xuất Shanghai Clyde Bergemann Machinery Co., Ltd)		Cái	4,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
14	Ống thổi bụi	Mã hiệu: SB.NO.L3/R3-L8/R8 (T89II, L=8148 V27, Deg.0 15CrMo, Lance tube), (lắp đặt cho		Cái	3,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		bộ thổi bụi PS-SL của nhà sản xuất Shanghai Clyde Bergemann Machinery Co., Ltd)							
15	Ổng thổi bụi	Mã hiệu: SB.NO.L1/R1-L2/R2 (T89II, L=8148 V27, Deg.0 MAT.T91, Lance tube) của nhà sản xuất Shanghai Clyde Bergemann Machinery Co., Ltd (lắp đặt cho bộ thổi bụi PS-SL của nhà sản xuất Shanghai Clyde Bergemann Machinery Co., Ltd)		Cái	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
16	Phốt chắn dầu	Mã hiệu: SYM-65/50HY của SDMS Seal Co.,Ltd		Cái	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
17	Phin lọc dầu VSF-50-G35	Phin lọc dầu VSF-50-G35 nhà sản xuất Xinxiang Lefilter Company		Cái	12,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
18	Phin lọc dầu	Mã hiệu: DQ350BW25H0.8S (707), Nhà sản xuất: Xinxiang Lifeierte Filter Co.,Ltd		cái	20,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
19	Phin lọc đường dầu hồi	Mã hiệu: DR405EA03V/-W nhà sản xuất Xinxiang Lefilter Company		Cái	4,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
20	Phin lọc dầu ra bơm dầu EH	Mã hiệu: DP602EA03V/-W nhà sản xuất Xinxiang Lefilter Company		Cái	4,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
21	Lọc dầu	Mã hiệu: EH 30-150-207 của nhà sản xuất Xinxiang Lefilter Company		Cái	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
22	Lọc dầu	Mã hiệu: DL 009001 của nhà sản xuất Xinxiang Lefilter Company		Cái	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
23	Lọc dầu	Mã hiệu: DP301EA10V/-W của nhà sản xuất: Xinxiang Lefilter Company		Cái	14,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
24	Phin lọc ELF-PL3	Mã hiệu: ELF- PL3 nhà sản xuất Xinxiang Lefilter Company		Cái	4,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
25	Phin lọc DFDKBH/HC 100	Mã hiệu: DFDKBH/HC100 nhà sản xuất Xinxiang Lefilter Company		Cái	4,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
26	- Động cơ phanh băng tải ED-50/6 210W	Mã hiệu: ED-50/6; công suất 210W; điện áp 400V, độ kín IP65 của công ty sản xuất Heana Zhongyuan break Co;,Ltd		Bộ	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
27	- Động cơ phanh băng tải ED-80/6, P=330W	Mã hiệu: ED-80/6; công suất 330W; điện áp 400V, độ kín IP65 của công ty sản xuất Heana Zhongyuan break Co;,Ltd		Bộ	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
28	Động cơ phanh băng tải ED-121/6 330W	Mã hiệu: ED-121/6 (công suất 330W; điện áp 400V, độ kín IP65) của công ty sản xuất Heana Zhongyuan break Co;,Ltd		Bộ	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
29	Bộ làm sạch băng 1000mm; PN36898-H2T	Bộ làm sạch băng 1000mm; PN36898-H2T		bộ	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
30	Thanh nghiền	Mã hiệu: 601989; chi tiết số 10 bản vẽ SECTION WEAR PARTS của nhà sản xuất FAM		Tám	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
31	Tấm đập (IMPACT ROCKER)	Mã hiệu: 601979; chi tiết số 1 bản vẽ SECTION WEAR PARTS của nhà sản xuất FAM		Tám	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
32	Tấm nghiền (IMPACT PLATE- GRINDING ROCKER)	Mã hiệu: 601814; chi tiết số 11 bản vẽ SECTION WEAR PARTS của nhà sản xuất FAM		Tám	5,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
33	Tấm nghiền (IMPACT PLATE- GRINDING ROCKER)	Mã hiệu: 601815; chi tiết số 12 bản vẽ SECTION WEAR PARTS của nhà sản xuất FAM		Tám	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
34	Búa nghiền (BLOW BAR 800)	Mã hiệu: 9062910; chi tiết số 2 bản vẽ SECTION WEAR PARTS của nhà sản xuất FAM		Thanh	4,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
35	Tấm lót (WEAR STEEL PLATE UNDER)	Mã hiệu: 601982; chi tiết số 3 bản vẽ SECTION WEAR PARTS của nhà sản xuất FAM		Bộ	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
36	Tấm lót (WEAR	Mã hiệu: 601983; chi tiết số 4 bản vẽ SECTION WEAR PARTS của		Bộ	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	STEEL PLATE CAGE FRONT PART)	nhà sản xuất FAM							
37	Tấm lót (WEAR STEEL PLATE CAGE REAR PART)	Mã hiệu: 601984 chi tiết số 5 bản vẽ SECTION WEAR PARTS của nhà sản xuất FAM		Bộ	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
38	Tấm lót (WEAR STEEL PLATE CAGE FRONT)	Mã hiệu: 601985; chi tiết số 6 bản vẽ SECTION WEAR PARTS của nhà sản xuất FAM		Bộ	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
39	Tấm lót (WEAR STEEL PLATE CAGE FRONT SIDE)	Mã hiệu: 601986; chi tiết số 7 bản vẽ SECTION WEAR PARTS của nhà sản xuất FAM		Bộ	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
40	Tấm lót (INLET WEAR STEL PLATE)	Mã hiệu: 601987; chi tiết số 8 bản vẽ SECTION WEAR PARTS của nhà sản xuất FAM		Bộ	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
41	Đai ốc khóa (Flex Lock Nut .625 NC)	Mã hiệu: 1M13071 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi mã hiệu		Cái	94,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)							
42	Tấm chống mòn (Wear Plate - Inspection Door)	Mã hiệu: AA045500 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)		Tấm	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
43	Tấm chống mòn (Wear Plate - Side - Door Side)	Mã hiệu: AA045600 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)		Tấm	4,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
44	Tấm chống mòn (Wear Plate - Door - Top)	Mã hiệu: AA045700 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)		Tấm	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
45	Tấm chống mòn (Wear Plate - Side and Top)	Mã hiệu: AB085700 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)		Tấm	3,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
46	Tấm chống mòn (Wear Plate - Dome)	Mã hiệu: EC205008000B của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá vôi mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà		Tấm	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		sản xuất Terra Source Global)							
47	Tấm chống mòn (Wear Plate - Base - Feed End)	Mã hiệu: AA032100 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)		Tấm	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
48	Tấm chống mòn (Wear Plate - Lower - Feed End)	Mã hiệu: AC03530AB của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)		Tấm	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
49	Tấm chống mòn (Wear Plate - Upper - Feed End)	Mã hiệu: AC03540AB của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)		Tấm	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
50	Bộ nắp che (Shroud Assembly - Feed End)	Mã hiệu: AC03550AB của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)		Bộ	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
51	Tấm chống mòn (Wear Plate - Lower - Shaft End)	Mã hiệu: AC03590AB của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)		Cái	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
52	Tấm chống mòn (Wear Plate - Upper - Shaft End)	Mã hiệu: AC036100 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)		Cái	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
53	Bộ nắp che (Shroud Assembly - Shaft End)	Mã hiệu: AC036200 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)		Bộ	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
54	Đai ốc (Hex Nut .625 NC)	Mã hiệu: 1M19071 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)		Cái	36,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
55	Đai ốc (Hex Nut .750 NC)	Mã hiệu: 1M19081 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)		Cái	40,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
56	Vòng đệm (Medium Flat Washer .625 Diameter)	Mã hiệu: 1N01080 của nhà sản xuất Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)		Cái	36,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
57	Vòng đệm	Mã hiệu: 1N01090 của nhà sản xuất		Cái	40,0	45 ngày kể từ ngày có			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	(Medium Flat Washer .750 Diameter)	Terra Source Global (lắp đặt cho máy nghiền đá với mã hiệu GUNDLACH 40B2C4R của nhà sản xuất Terra Source Global)				thông báo cấp hàng			
58	Dây curoa	Mã hiệu: 408V1900 lắp đặt cho máy nghiền đá với GUNDLACH 40B2C4R589 của hãng sản xuất: Terra Source Global		Cái	8,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
59	Lọc khí	Mã hiệu: 39903281 của hãng sản xuất Ingersoll Rand		Cái	18,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
60	Lọc khí	Mã hiệu: 39903265 của hãng sản xuất Ingersoll Rand		Cái	24,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
61	Lọc dầu	Mã hiệu: 39988262 của hãng sản xuất Ingersoll Rand		Cái	18,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
62	Lọc tách	Mã hiệu: 54509435 của hãng sản xuất Ingersoll Rand		Cái	9,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
63	Ống dẫn dầu	Mã hiệu: 89245823 của hãng sản xuất Ingersoll Rand		CÁI	9,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
64	Bộ làm mát	Mã hiệu: 22084750 của hãng sản xuất Ingersoll Rand		Bộ	3,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
65	Bạc cách bánh răng tầng nén số 1	Mã hiệu: 39489968 của hãng sản xuất Ingersoll Rand		Cái	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
66	Bạc cách bánh răng tầng nén	Mã hiệu: 39489976 của hãng sản xuất Ingersoll Rand		Cái	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	số 2								
67	Vòng côn hãm bánh răng tầng nén số 1	Mã hiệu: 39497862 của hãng sản xuất Ingersoll Rand		Bộ	4,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
68	Vòng côn hãm bánh răng tầng nén số 2	Mã hiệu: 39497870 của hãng sản xuất Ingersoll Rand		Bộ	4,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
69	Nắp chặn côn tầng nén số 1	Mã hiệu: 39489836 của hãng sản xuất Ingersoll Rand		Cái	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
70	Nắp chặn côn tầng nén số 2	Mã hiệu: 39489844 của hãng sản xuất Ingersoll Rand		Cái	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
71	Gioăng chữ O	Mã hiệu: 89292445 của hãng sản xuất Ingersoll Rand		Cái	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
72	Phốt chắn dầu	Mã hiệu: 95023388 của hãng sản xuất Ingersoll Rand		Cái	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
73	Gioăng chữ O	Mã hiệu: 95022125 của hãng sản xuất Ingersoll Rand		Cái	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
74	Bộ phốt_bạc lót_Gioăng chữ O_keo, mã hiệu: 42572826	Bộ phốt_bạc lót_Gioăng chữ O_keo, mã hiệu: 42572826		bộ	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
75	Lọc dầu	Mã hiệu: 39911615 của hãng sản xuất Ingersoll Rand		Cái	6,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
76	Bộ chuyển đổi	Mã hiệu: 39875539 của hãng sản		Cái	2,0	45 ngày kể từ ngày có			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	áp suất 225PSIS	xuất Ingersoll Rand				thông báo cấp hàng			
77	Bộ chuyển đổi áp suất 100PSIS	Mã hiệu: 39929435 của hãng sản xuất Ingersoll Rand		Cái	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
78	Can nhiệt	Mã hiệu: 39921713 (Dải đo: -18+121°C (0-250°F)) của hãng sản xuất Ingersoll Rand		Cái	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
79	Can nhiệt	Mã hiệu: 39921705 (Dải đo: -18+260°C (0-500°F)) của hãng sản xuất Ingersoll Rand		Cái	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
80	Lọc khí E7-44; Ø83x670	Lọc khí E7-44; Ø83x670		Cái	16,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
	Tổng								
	Thuế GTGT								
	Tổng cộng (đã bao gồm thuế, phí và lệ phí)								
	Bằng chữ:								

Ghi chú:

(*) Đề nghị đơn vị báo giá chào đầy đủ nhà sản xuất và xuất xứ của hàng hóa. Nếu đơn vị báo giá không chào đầy đủ nội dung nêu trên thì mục hàng hóa của đơn vị báo giá không được xem xét.

